TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2023/DS-PT.
Ngày 29 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng ủy quyền, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ

Ông Nguyễn Đắc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng ủy quyền, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1972; địa chỉ: 1/9A đường 45, khu phố 2, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. Bà Dương Thị V, sinh năm 1995; địa chỉ: 1/9A đường 45, khu phố 2, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trí D, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1980; địa chỉ: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968; địa chỉ: số 39, tổ 4, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có mặt).

3. Ông Hồ Minh H (tên thường gọi: Âu), sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

4. Bà Hà Cẩm L, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin vắng mặt).

5. Văn phòng Công chứng Bình Dương; địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Ngọc S – Trưởng Văn phòng. (có đơn xin vắng mặt).

6. Uỷ ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Phục M – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường. (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Ngọc M.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Quyết định kháng nghị số 09/2023/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 24/3/2014, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2015 và ngày 20/5/2016, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/3/2014, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông D về việc chuyển nhượng các thửa đất số 579, 522, 519, tổng diện tích 8.916m^2, thuộc tờ bản đồ số 36, toạ lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương mà hai bên đã ký ngày 27/4/2012 tại Văn phòng Công chứng Bình Dương, số công chứng: 00002123, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD.

Bà M chỉ cho ông K mượn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho ông Hồ Minh H để ông H cho ông K vay tiền. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông D là giả tạo, nhằm che đậy cho quan hệ vay tiền giữa ông K với H. Do tin tưởng ông K chỉ mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong một thời gian ngắn để vay tiền nên bà M đã đồng ý và đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trí D.

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan quản lý đất đai cho biết ông D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN58XXXX và số BN58XXXX, ngày 06/5/2013. Sau đó, ông D đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Kim H thửa đất 579 và H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP190280, ngày 06/5/2013. Đối với thửa đất số 519 và 522, ông D đã ký hợp đồng ủy quyền cho H.

Ngày 15/4/2015 và ngày 20/5/2016, bà M khởi kiện bổ sung yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B[1], tỉnh Bình Dương cấp cho ông D số BN58xxxx và số BN58XXXX, ngày 06/5/2013; Hủy hợp đồng chuyển nhượng và Hợp đồng uỷ quyền giữa ông D, bà L với H; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp cho H số BP19XXXX, ngày 06/5/2013. Công nhận tài sản trên đất tranh chấp là của cá nhân bà Võ Thị Ngọc M.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Kim H, bà M không đồng ý.

Ngày 16/11/2022, bà M rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung công nhận tài sản trên đất cho cá nhân bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Trí D trình bày:

Ông D nhận chuyển nhượng đất của bà M gồm 02 phần đất, 01 phần đất trồng cao su và 01 phần đất ruộng thông qua người môi giới tên là Hồ Minh H. Khi nhận chuyển nhượng, bà M có dẫn ông D đi chỉ ranh đối với phần đất trồng cao su, nhưng ông D không biết những thửa đất liên ranh là của ai. Đối với các thửa đất ruộng, hai bên không giao nhận đất. Giá chuyển nhượng đất là 350.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng thì ông D, bà M, ông H và 01 người đàn ông đi cùng bà M đến quán cà phê gần Văn phòng công chứng giao nhận tiền, việc giao nhận tiền không có lập văn bản.

Mục đích ông D nhận chuyển nhượng đất là để chuyển nhượng lại cho người khác kiếm lời. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vài tháng sau thì ông D chuyển nhượng toàn bộ cho bà Trần Thị Kim H thông qua người môi giới là ông Hồ Minh H. Ông D đã ký hợp đồng và sang tên thửa đất cao su, còn hai thửa đất ruộng thì ông D làm văn bản ủy quyền cho H toàn quyền định đoạt. Ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phù hợp quy định của pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H là ông Phan Thanh N trình bày:

H có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được ông Hồ Minh H giới thiệu, bà đã nhận chuyển nhượng hai phần đất có diện tích 8.300m^2 và 616m^2 của vợ chồng ông D, bà L với giá 250.000.000 đồng. Sau đó, hai bên đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. H không quen biết, không có liên quan gì đến bà M nên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

---

[1] nay là thị xã Bến Cát

Khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông D có chỉ cho H biết thửa đất ở đâu, trên đất có tài sản gì, rồi H và ông D đến Uỷ ban nhân dân phường H xác nhận trình trạng bất động sản, nội dung đất không có tranh chấp và đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định, rồi các bên tiến hành thực hiện giao dịch, sau khi chuyển nhượng thì hai bên đã bàn giao đất và tài sản trên đất nhưng không làm biên bản (chỉ nói miệng).

Ngày 05/4/2018, H nộp đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc bà M giao trả cho H toàn bộ diện tích đất tranh chấp và chấm dứt hành vi trái pháp luật là khai thác hoa lợi trên đất tranh chấp. Ngày 06/3/2019, người đại diện hợp pháp của H rút một phần yêu cầu độc lập về việc buộc bà M giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho H và tại phiên toà phúc thẩm lần 1 H rút yêu cầu buộc bà M chấm dứt hành vi trái pháp luật.

Ngày 18/01/2022, H nộp đơn yêu cầu độc lập đề nghị Toà án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa H và ông D, bà L và công nhận quyền sử dụng đất thửa đất các thửa số 579, 522 và 519 cho H.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông K là em chồng của bà M. Ông K có thiếu nợ ông Hồ Minh H nhưng không có tiền trả. Ông H yêu cầu phải đưa đất ra thế chấp nhưng hình thức là ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi nào có tiền trả thì lấy đất lại. Lúc đó, ông K về mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M và nhờ bà M đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng. Khi đến Văn phòng công chứng, ông H kêu ký hợp đồng với ông D thì ông K kêu bà M ký hợp đồng với ông D, ông K không thắc mắc gì. Ông K không quen biết ông D, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì ông K cũng không liên lạc với D. Tất cả các vấn đề, ông K và ông H đều trực tiếp liên lạc với nhau.

Mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông D là để ông K kéo dài thời hạn trả nợ. Còn ông D chỉ đứng tên trên danh nghĩa là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi bà M và ông D ký hợp đồng, bà M và ông K không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông D và ông H.

Ông K trình bày: Lãi suất cho vay là 6%, thời hạn vay không xác định. Hàng tháng ông K trả 21.000.000 đồng tiền lãi cho ông H nhưng không có làm giấy giao nhận. Ông K trả lãi cho đến tháng 6/2013 thì không có khả năng trả lãi tiếp. Ông H gặp ông K để chốt nợ và viết giấy ghi tổng số tiền ông K nợ của ông H là 650.000.000 đồng, trong đó có 350.000.000 đồng nợ gốc (do thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M); 100.000.000 đồng tiền nợ lãi (của khoản nợ gốc 350.000.000 đồng) và 200.000.000 đồng ông K đã vay của ông H trước đó. Ông K có ký tên vào giấy chốt nợ và giấy này hiện ông H đang giữ.

Giữa ông K, ông H, ông D và bà M không lập bất kỳ văn bản thỏa thuận về việc vay tiền, mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên sau đó ông K làm ăn thất bại và không thực hiện được lời hứa trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho bà M thì bà M kêu ông K ký tên vào "Giấy cho mượn quyền sử dụng đất" (không ghi ngày tháng năm). Ông K đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông D là giả tạo, che đậy cho quan hệ vay số tiền 350.000.000 đồng giữa ông K và ông H. Ông K chịu trách nhiệm trả cho ông H số tiền 350.000.000 đồng để hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông D. Về tiền lãi: Ông K, ông H, ông D tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh H: Ông H có tên thường gọi là Âu và không liên quan gì đến việc tranh chấp của các bên. Ông H không có cho ông K vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Cẩm L (vợ ông Nguyễn Trí D) không có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Bình Dương là ông Phan Ngọc S trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị Ngọc M với ông Nguyễn Trí D đã được công chứng số 00002123, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2012;

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Trí D, bà Hà Cẩm L với là bà Trần Thị Kim H đã được công chứng số 00005202, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013; Hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Trí D, bà Hà Cẩm L với bà Trần Thị Kim H đã được công chứng số 00005203, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2013;

Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng thì các hồ sơ công chứng nêu trên hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy Văn phòng công chứng Bình Dương không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân thị xã B là ông Trịnh Phục M trình bày: Đề nghị Toà án căn cứ kết quả xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Trí D về việc yêu cầu công nhận tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Ngọc M.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H về việc buộc bà Võ Thị Ngọc M giao trả các thửa đất số 579, 522, 519, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương và chấm dứt hành vi trái pháp luật là khai thác hoa lợi trên đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Trí D về việc "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng ủy quyền và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Bình Dương công chứng số 00002123, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/4/2012 giữa bà Võ Thị Ngọc M và ông Nguyễn Trí D về việc chuyển nhượng thửa đất số 579, 522, 519, tờ bản đồ số 36, diện tích 8.916m^2, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương phát sinh hiệu luật pháp luật.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng uỷ quyền

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Bình Dương công chứng số 005202, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 14/6/2013 giữa ông Nguyễn Trí D, bà Hà Cẩm L và bà Trần Thị Kim H về việc chuyển nhượng thửa đất số 579, tờ bản đồ số 36, diện tích 8.300m^2, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương phát sinh hiệu luật pháp luật.

Công nhận quyền sử dụng đất, diện tích 8.300m^2, thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 36, toạ lạc tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP190280 ngày 02/7/2013 mà Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B theo cấp cho bà Trần Thị Kim H và tài sản gắn liền trên đất là 270 cây cao su 10 năm tuổi và 150 cây cao su trên 15 năm tuổi cho bà Trần Thị Kim H.

Công nhận Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng Công chứng Bình Dương công chứng số 005203, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 14/6/2013 giữa ông Nguyễn Trí D, bà Hà Cẩm L và bà Trần Thị Kim H về việc ủy quyền đối với các thửa đất số 519, 522 tờ bản đồ số 36, diện tích 616m^2, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương trên đất có 10 cây cao su 15 năm tuổi và 10 cây cao su 10 năm tuổi phát sinh hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do bản án đã làm thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H.

Tại Quyết định số 09/2023/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng C trình bày:

Về tố tụng: Vụ án "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng ủy quyền, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M và bị đơn ông Nguyễn Trí D đã xét xử sơ thẩm 02 lần. Lần thứ nhất, Tòa án nhân dân thị xã B đã xét xử vụ án nêu trên và tuyên bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020. Sau đó, Bản án này bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Lần thứ hai, vụ án nêu trên được thụ lý lại và được tuyên bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023. Các Bản án sơ thẩm nêu trên thể hiện có Hội thẩm nhân dân ông Lương Thanh Nhàn tham gia quá trình tố tụng của cả 02 lần. Do đó, căn cứ vào Điều 53 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đồng thời việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không đúng thực tế khách quan của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết lại sơ thẩm.

Người đại diện theo uỷ quyền của H là ông Phan Thanh N trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể: Hội thẩm Lương Thanh Nhàn đã tham gia giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và đã ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên sau khi Bản án nêu trên bị hủy và chuyển hồ sơ về Tòa án sơ thẩm giải quyết lại thì Hội thẩm Nhàn tiếp tục tham gia giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và đã ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Trí D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, riêng ông Hồ Minh H (tên thường gọi:

Âu) vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét thấy quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

Ngày 09 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 71/2017/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng ủy quyền, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M và bị đơn ông Nguyễn Trí D. Ngày 09 tháng 01 năm 2020, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm Thẩm phán Phạm Thị Xuân và các Hội thẩm nhân dân ông Lương Thanh Nhàn và ông Lê Hữu Tấn đã xét xử công khai vụ án nêu trên và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H có yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án. Vụ án nên trên được chuyển đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử theo thủ tục phúc thẩm, kết quả xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý lại vụ án nêu trên. Ngày 28 tháng 3 năm 2023, Tóa án nhân dân thị xã B đã xét xử và tuyên bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm Thẩm phán Nguyễn Văn Sô và các Hội thẩm nhân dân ông Lương Thanh Nhàn và ông Lê Văn Đặng.

Như vậy, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09/ 01/2020 và Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28/3/2023 có chung Hội thẩm nhân dân ông Lương Thanh Nhàn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 53 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục. Do đó, Hội đồng xét xử cần hủy Bản án số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, có căn cứ để chấp nhận yêu càu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viên kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương trả cho bà Võ Thị Ngọc M là nguyên đơn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0011033 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Cao Huy Cường